TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13/9/2024
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Hường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thức
2. Ông Y Dhiễu Hmok

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2024/TLST–HNGĐ ngày 25/6/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 08/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số N, TDP A, phường M, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh Q, sinh năm 1979; địa chỉ: địa chỉ: Số N, TDP A, phường M, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Q chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường T, TP Buôn Ma thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn không hòa giải được, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau. Nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với ông Q, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, chúng tôi có 02 con chung Nguyễn Châu Thảo Tr, sinh ngày 02/8/20213 và Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 04/9/20211. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Vĩnh Q đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy lời khai và không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông Nguyễn Vĩnh Q được.

Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2024 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ về tình trạng hôn nhân của ông Q, bà T như sau: Ông Q, bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống ông bà có xãy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể chính quyền địa phương không nắm rõ vì vợ chồng ông Q, bà T không trình báo với chính quyền địa phương.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho bà Châu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh Q. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Châu Thảo Tr, sinh ngày 02/8/20213 và Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 04/9/20211 cho bà Châu Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản, công nợ: Bà Châu Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Nguyên đơn bà Châu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] ***Về quan hệ pháp luật***: Bà Châu Thị T và ông Nguyễn Vĩnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2009 tại UBND phường T, TP Buôn Ma thuột, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] ***Về nội dung tranh chấp***: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Bà Châu Thị T và ông Nguyễn Vĩnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2009 tại UBND phường T, TP Buôn Ma thuột, tỉnh Đắk Lắk; sống hạnh phúc được một thời gian sau khi đăng ký kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Châu Thị T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Vĩnh Q cơ bản phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] ***Về con chung:*** Trong quá trình chung sống, bà Châu Thị T và ông Nguyễn Vĩnh Q có 02 con chung Nguyễn Châu Thảo Tr, sinh ngày 02/8/20213 và Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 04/9/20211. Bà Châu Thị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Châu Thảo Tr, sinh ngày 02/8/20213 và Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 04/9/20211 đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), là có căn cứ phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HNGĐ, cần chấp nhận.

[5] ***Về tài sản và công nợ chung:*** Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] ***Về án phí:*** Bà Châu Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T.

-***Về quan hệ hôn nhân***: Cho bà Châu Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh Q.

-***Về con chung***: Giao 02 con chung Nguyễn Châu Thảo Tr, sinh ngày 02/8/20213 và Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 04/9/20211 cho bà Châu Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Châu Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Vĩnh Q được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

-***Về tài sản và công nợ chung:*** Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

-***Về án phí***: Bà Châu Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001594 ngày 24/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND thị xã Buôn Hồ;*
- *THADS thị xã Buôn Hồ;*
- *UBND P. T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Hường